

Số: 605 /QĐ-UBND

Nam Định, ngày 29 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân bổ vốn sự nghiệp Chương trình
mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 27/2022/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 18/6/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng NTM nâng cao, kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Nam Định: số 03/2020/NQ-HĐND ngày 17/4/2020 quy định cơ chế hỗ trợ xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025; số 70/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức và phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh Nam Định; số 09/2023/NQ-HĐND ngày 24/4/2023 ban hành quy định mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nam Định; số 07/NQ-HĐND ngày 13/3/2024 về việc giao nhiệm vụ cho UBND tỉnh quyết định một số nội dung theo điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ Tài chính;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Nam Định: số 2467/QĐ-UBND ngày 10/12/2023, số 2680/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 về giao dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2024; số 2468/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 về quy định tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Căn cứ Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 23/02/2024 của UBND tỉnh Nam Định về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2024 trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 691/TTr-SNN ngày 12/3/2024, Sở Tài chính tại Tờ trình số 73/TTr-STC ngày 19/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2024 cho các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố Nam Định, với tổng số tiền là: 45.428 triệu đồng (*Bốn mươi lăm tỷ, bốn trăm hai mươi tám triệu đồng chẵn*) từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương đã ghi dự toán ngân sách tỉnh năm 2024 (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính có trách nhiệm cấp phát kinh phí cho các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố Nam Định có tên tại Phụ lục kèm theo Quyết định này theo đúng quy định.

Riêng đối với kinh phí “Hỗ trợ chi phí bao bì, in tem; xây dựng và đăng ký nhãn hiệu các sản phẩm OCOP; chi giải thưởng cho các sản phẩm OCOP đạt hạng từ 3 sao trở lên theo quy định: với sản phẩm tham gia Chương trình lần đầu và sản phẩm công nhận lại được nâng hạng sao” thuộc nội dung “Hỗ trợ các cơ sở sản xuất có sản phẩm OCOP năm 2024”: Trên cơ sở kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP năm 2024 do cấp có thẩm quyền phê duyệt; giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với UBND các huyện, thành phố tổng hợp danh sách và kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính tham mưu, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phân bổ kinh phí cho ngân sách các huyện, thành phố.

2. Các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố Nam Định có tên tại Phụ lục kèm theo Quyết định này có trách nhiệm quản lý, sử dụng khoản kinh phí nêu trên đúng mục đích, đối tượng, hiệu quả và đúng chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước.

3. UBND các huyện, thành phố Nam Định có trách nhiệm thông báo, phân bổ chi tiết và thực hiện cấp phát kinh phí cho UBND các xã, thị trấn theo đúng quy định hiện hành.

4. Giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Tài chính đăng tải công khai Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Nam Định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Nam Định, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Liên minh hợp tác xã tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ Nam Định, Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tỉnh, Văn phòng Điều phối nông thôn mới; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP3, VP7, VP6.

(Handwritten mark)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature in blue ink)

Phạm Đình Nghị

Phụ lục
PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số: _____ /QĐ-UBND ngày _____ /3/2024 của UBND tỉnh Nam Định)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Phân bổ năm 2024	Đơn vị thực hiện
	TỔNG CỘNG	45.428	
1	Hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại (2 dự án, hỗ trợ 150 trđ/dự án)	300	Sở Nông nghiệp & PTNT (Chi cục Phát triển nông thôn)
2	Hỗ trợ phát triển thị trường và xúc tiến thương mại nông sản	400	Sở Nông nghiệp & PTNT (Chi cục Quản lý chất lượng NLS và TS)
3	Hỗ trợ triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	5.258	Sở Nông nghiệp & PTNT (Văn phòng Điều phối NTM); UBND các huyện, TP
3.1	Các nội dung triển khai thực hiện Chương trình OCOP tại cấp tỉnh	950	Sở Nông nghiệp & PTNT (Văn phòng Điều phối NTM tỉnh)
3.2	Hỗ trợ các cơ sở sản xuất tham gia thực hiện Chương trình OCOP năm 2024	2.958	□
-	Thuê tư vấn thực hiện Chương trình OCOP năm 2024 (Tư vấn các cơ sở sản xuất hoàn thiện, phát triển sản phẩm, hồ sơ sản phẩm tham gia Chương trình OCOP, ...)	480	Sở Nông nghiệp & PTNT (Văn phòng Điều phối NTM tỉnh)
-	Thiết kế mẫu mã sản phẩm, bao bì đóng gói	450	Sở Nông nghiệp & PTNT (Văn phòng Điều phối NTM tỉnh)
-	Hỗ trợ chi phí bao bì, in tem; xây dựng và đăng ký nhãn hiệu các sản phẩm OCOP; chi giải thưởng cho các sản phẩm OCOP đạt hạng từ 3 sao trở lên theo quy định; với sản phẩm tham gia Chương trình lần đầu và sản phẩm công nhận lại được nâng hạng sao.	2.028	Trên cơ sở kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP năm 2024 do cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sở NN&PTNT có trách nhiệm phối hợp với UBND các huyện, thành phố tổng hợp danh sách, kinh phí hỗ trợ trình UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) phân bổ kinh phí
3.3	Hỗ trợ các huyện triển khai, thực hiện Chương trình OCOP tại cấp huyện	1.350	UBND các huyện, thành phố
-	Huyện Mỹ Lộc	150	UBND huyện Mỹ Lộc
-	Huyện Nam Trực	150	UBND huyện Nam Trực
-	Huyện Trực Ninh	150	UBND huyện Trực Ninh
-	Huyện Hải Hậu	150	UBND huyện Hải Hậu
-	Huyện Giao Thủy	150	UBND huyện Giao Thủy
-	Huyện Xuân Trường	150	UBND huyện Xuân Trường
-	Huyện Nghĩa Hưng	150	UBND huyện Nghĩa Hưng
-	Huyện Ý Yên	150	UBND huyện Ý Yên
-	Huyện Vụ Bản	150	UBND huyện Vụ Bản
4	Hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp gắn với liên kết theo chuỗi giá trị	700	
4.1	Hỗ trợ bồi dưỡng tập huấn cho cán bộ quản lý và thành viên trong HTX nông nghiệp	400	Sở Nông nghiệp & PTNT (Chi cục Phát triển nông thôn)

TT	Nội dung	Phân bổ năm 2024	Đơn vị thực hiện
4.2	Bồi dưỡng, tập huấn cán bộ kiểm soát HTX	300	Liên minh HTX tỉnh
5	Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu thị trường	5.100	Sở Lao động, TB & XH; UBND các huyện, TP
5.1	Hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng	3.597	
-	Thành phố Nam Định	190	UBND thành phố Nam Định
-	Huyện Mỹ Lộc	100	UBND huyện Mỹ Lộc
-	Huyện Trực Ninh	170	UBND huyện Trực Ninh
-	Huyện Nam Trực	170	UBND huyện Nam Trực
-	Huyện Nghĩa Hưng	740	UBND huyện Nghĩa Hưng
-	Huyện Xuân Trường	610	UBND huyện Xuân Trường
-	Huyện Hải Hậu	917	UBND huyện Hải Hậu
-	Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ Nam Định	700	Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ Nam Định
5.2.	Kiểm tra, giám sát	103	
-	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	30	Sở Lao động, Thương binh và XH
-	Sở Nông nghiệp & PTNT	15	Sở Nông nghiệp & PTNT
-	Thành phố Nam Định	7	UBND thành phố Nam Định
-	Huyện Mỹ Lộc	7	UBND huyện Mỹ Lộc
-	Huyện Trực Ninh	7	UBND huyện Trực Ninh
-	Huyện Nam Trực	7	UBND huyện Nam Trực
-	Huyện Nghĩa Hưng	10	UBND huyện Nghĩa Hưng
-	Huyện Xuân Trường	10	UBND huyện Xuân Trường
-	Huyện Hải Hậu	10	UBND huyện Hải Hậu
5.3	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng	500	Sở Lao động, Thương binh và XH
5.4	Điều tra, khảo sát nhu cầu đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng; chi xây dựng cẩm nang, sổ tay hướng dẫn, sổ tay nghiệp vụ và các loại sổ, sách, tài liệu phục vụ hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn	900	Sở Lao động, Thương binh và XH
6	Hỗ trợ thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh: Hỗ trợ 10 xã của 10 huyện, TP (hỗ trợ 250 triệu đồng/mô hình)	2.500	UBND 10 huyện, TP lựa chọn xã thực hiện mô hình
7	Hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô cấp thôn/xóm (10 mô hình; mỗi huyện, TP 1 mô hình; hỗ trợ 250 triệu đồng/mô hình)	2.500	UBND các huyện, thành phố
8	Hỗ trợ nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn	2.500	
8.1	Hỗ trợ xây dựng mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn (Mỗi huyện, TP 1 mô hình, hỗ trợ 100 triệu đồng/mô hình)	1.000	UBND các huyện, thành phố

TT	Nội dung	Phân bổ năm 2024	Đơn vị thực hiện
8.2	Hỗ trợ xây dựng mô hình cải tạo cảnh quan theo hướng đa chức năng; tăng cường trồng cây xanh tại các khu vực công cộng, tuyến đường giao thông (Mỗi huyện, TP 1 mô hình, hỗ trợ 150 triệu đồng/mô hình)	1.500	UBND các huyện, thành phố
9	Chi tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường chăm sóc, bảo vệ trẻ em và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	900	
9.1	Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho cha mẹ và trẻ em	600	Sở Lao động, Thương binh và XH
9.2	Tổ chức các hoạt động truyền thông về bình đẳng giới; phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới và bảo vệ, chăm sóc trẻ em	300	Sở Lao động, Thương binh và XH
10	Nâng cao nhận thức về xây dựng NTM	2.570	
10.1	Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ xây dựng NTM cấp xã	500	Sở Nội vụ
10.2	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ xây dựng NTM cấp thôn xóm	500	Sở Nông nghiệp & PTNT (Văn phòng Điều phối NTM tỉnh)
10.3	Tập huấn nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về xây dựng cảnh quan nông thôn xanh - sạch - đẹp	400	Sở Nông nghiệp & PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
10.4	Tập huấn nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về cấp nước sạch nông thôn	400	Sở Nông nghiệp & PTNT (Trung tâm Nước sạch & VSMT nông thôn)
10.5	Tập huấn về an toàn thực phẩm	150	Sở Nông nghiệp & PTNT (Chi cục Quản lý chất lượng NLS và TS)
10.6	Tập huấn nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về chuyển đổi số trong xây dựng NTM	500	Sở Thông tin & Truyền thông
10.7	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật	120	Sở Tư pháp
11	Thông tin, truyền thông về Chương trình xây dựng NTM	3.130	
11.1	Sở Nông nghiệp & PTNT	550	
-	Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	300	Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh
-	Trung tâm nước sạch & VSMT nông thôn	100	Trung tâm nước sạch & VSMT nông thôn
-	Chi cục Kiểm lâm	100	Chi cục Kiểm lâm
-	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản	50	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản
11.2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	300	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
11.3	Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	1.000	Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh
11.4	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	100	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh
11.5	Báo Nam Định	100	Báo Nam Định
11.6	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	300	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
11.7	Hội Nông dân tỉnh	300	Hội Nông dân tỉnh

TT	Nội dung	Phân bổ năm 2024	Đơn vị thực hiện
11.8	Hội Cựu chiến binh tỉnh	200	Hội Cựu chiến binh tỉnh
11.9	Đoàn Thanh niên CSHCM tỉnh	200	Đoàn Thanh niên CSHCM tỉnh
11.10	Sở Tư pháp	80	Sở Tư pháp
12	Hỗ trợ thực hiện Đề án xây dựng thí điểm mô hình huyện Hải Hậu NTM kiểu mẫu	500	UBND huyện Hải Hậu
13	Hỗ trợ xây dựng huyện NTM nâng cao	2.500	
13.1	Huyện Giao Thủy	1.000	UBND huyện Giao Thủy
13.2	Huyện Xuân Trường	500	UBND huyện Xuân Trường
13.3	Huyện Nam Trực	500	UBND huyện Nam Trực
13.4	Huyện Trực Ninh	500	UBND huyện Trực Ninh
14	Hỗ trợ thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng tiêu chí an ninh trật tự	700	Công an tỉnh
15	Hoạt động Ban chỉ đạo các cấp	4.770	
15.1	Ban chỉ đạo tỉnh	2.320	Sở Nông nghiệp & PTNT (Văn phòng Điều phối NTM tỉnh)
15.2	Ban chỉ đạo cấp huyện	2.450	
-	Thành phố Nam Định	200	UBND thành phố Nam Định
-	Huyện Mỹ Lộc	250	UBND huyện Mỹ Lộc
-	Huyện Nam Trực	250	UBND huyện Nam Trực
-	Huyện Trực Ninh	250	UBND huyện Trực Ninh
-	Huyện Hải Hậu	250	UBND huyện Hải Hậu
-	Huyện Giao Thủy	250	UBND huyện Giao Thủy
-	Huyện Xuân Trường	250	UBND huyện Xuân Trường
-	Huyện Nghĩa Hưng	250	UBND huyện Nghĩa Hưng
-	Huyện Ý Yên	250	UBND huyện Ý Yên
-	Huyện Vụ Bản	250	UBND huyện Vụ Bản
16	Hỗ trợ tổ chức đánh giá sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu. Công tác tuyên truyền, biểu dương, khen thưởng	900	Ủy ban MTTQ tỉnh
17	Hỗ trợ xã, thị trấn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM theo Bộ tiêu chí quốc gia về NTM giai đoạn 2021-2025	10.200	Các xã, thị trấn thuộc UBND các huyện, thành phố
17.1	Thành phố Nam Định	150	
-	Xã Lộc An	50	
-	Xã Nam Vân	50	
-	Xã Nam Phong	50	
17.2	Huyện Mỹ Lộc	550	
-	Xã Mỹ Trung	50	
-	Xã Mỹ Hưng	50	
-	Xã Mỹ Thuận	50	
-	Thị trấn Mỹ Lộc	50	
-	Xã Mỹ Tân	50	
-	Xã Mỹ Phúc	50	
-	Xã Mỹ Hà	50	
-	Xã Mỹ Thắng	50	
-	Xã Mỹ Tiến	50	
-	Xã Mỹ Thành	50	
-	Xã Mỹ Thịnh	50	
17.3	Huyện Vụ Bản	900	

TT	Nội dung	Phân bổ năm 2024	Đơn vị thực hiện
-	Xã Hợp Hưng	50	
-	Xã Đại Thắng	50	
-	Xã Tân Khánh	50	
-	Xã Liên Bảo	50	
-	Xã Đại An	50	
-	Xã Tam Thanh	50	
-	Xã Vĩnh Hào	50	
-	Xã Tân Thành	50	
-	Xã Hiền Khánh	50	
-	Xã Minh Tân	50	
-	Xã Liên Minh	50	
-	Thị trấn Gôi	50	
-	Xã Trung Thành	50	
-	Xã Minh Thuận	50	
-	Xã Quang Trung	50	
-	Xã Kim Thái	50	
-	Xã Thành Lợi	50	
-	Xã Cộng Hoà	50	
17.4	Huyện Ý Yên	1.550	
-	Xã Yên Bình	50	
-	Xã Yên Hồng	50	
-	Xã Yên Tiến	50	
-	Xã Yên Trung	50	
-	Xã Yên Thành	50	
-	Xã Yên Thọ	50	
-	Xã Yên Phú	50	
-	Xã Yên Hưng	50	
-	Xã Yên Lợi	50	
-	Thị trấn Lâm	50	
-	Xã Yên Quang	50	
-	Xã Yên Đông	50	
-	Xã Yên Lộc	50	
-	Xã Yên Ninh	50	
-	Xã Yên Dương	50	
-	Xã Yên Nghĩa	50	
-	Xã Yên Phương	50	
-	Xã Yên Minh	50	
-	Xã Yên Bằng	50	
-	Xã Yên Thắng	50	
-	Xã Yên Trị	50	
-	Xã Yên Phúc	50	
-	Xã Yên Cường	50	
-	Xã Yên Khang	50	
-	Xã Yên Lương	50	
-	Xã Yên Phong	50	
-	Xã Yên Nhân	50	
-	Xã Yên Khánh	50	
-	Xã Yên Chính	50	
-	Xã Yên Mỹ	50	
-	Xã Yên Tân	50	
17.5	Huyện Nghĩa Hưng	1.200	

TT	Nội dung	Phân bổ năm 2024	Đơn vị thực hiện
-	Xã Nghĩa Lạc	50	
-	Xã Nghĩa Hồng	50	
-	Xã Nghĩa Sơn	50	
-	Xã Nghĩa Tân	50	
-	Xã Nghĩa Hùng	50	
-	Xã Nghĩa Hải	50	
-	Xã Nghĩa Thành	50	
-	Xã Phúc Thắng	50	
-	Xã Nghĩa Lợi	50	
-	Xã Nam Điền	50	
-	Xã Nghĩa Đồng	50	
-	Xã Hoàng Nam	50	
-	Xã Nghĩa Châu	50	
-	Thị trấn Liễu Đề	50	
-	Xã Nghĩa Phú	50	
-	Xã Nghĩa Lâm	50	
-	Thị trấn Rạng Đông	50	
-	Xã Nghĩa Minh	50	
-	Xã Nghĩa Thịnh	50	
-	Xã Nghĩa Thái	50	
-	Xã Nghĩa Trung	50	
-	Xã Nghĩa Phong	50	
-	Xã Nghĩa Bình	50	
-	TT Quỳ Nhất	50	
17.6	Huyện Nam Trực	1.000	
-	Xã Nam Mỹ	50	
-	Xã Tân Thịnh	50	
-	Xã Nam Toàn	50	
-	Xã Nghĩa An	50	
-	Xã Nam Cường	50	
-	Xã Bình Minh	50	
-	Xã Nam Hải	50	
-	Thị trấn Nam Giang	50	
-	Xã Nam Thanh	50	
-	Xã Nam Hồng	50	
-	Xã Nam Hùng	50	
-	Xã Đồng Sơn	50	
-	Xã Điền Xá	50	
-	Xã Hồng Quang	50	
-	Xã Nam Tiến	50	
-	Xã Nam Hoa	50	
-	Xã Nam Lợi	50	
-	Xã Nam Thắng	50	
-	Xã Nam Dương	50	
-	Xã Nam Thái	50	
17.7	Huyện Trực Ninh	1.050	
-	Xã Việt Hùng	50	
-	Thị trấn Cổ Lễ	50	
-	Xã Phương Định	50	
-	Xã Liêm Hải	50	
-	Xã Trực Đạo	50	

TT	Nội dung	Phân bổ năm 2024	Đơn vị thực hiện
-	Xã Trục Hưng	50	
-	Xã Trục Thanh	50	
-	Xã Trục Khang	50	
-	Xã Trục Thuận	50	
-	Xã Trục Cường	50	
-	Xã Trục Thắng	50	
-	Xã Trục Chính	50	
-	Xã Trung Đông	50	
-	Xã Trục Tuấn	50	
-	Xã Trục Nội	50	
-	Xã Trục Mỹ	50	
-	Xã Trục Đại	50	
-	Xã Trục Thái	50	
-	Xã Trục Hùng	50	
-	TT Cát Thành	50	
-	TT Ninh Cường	50	
17.8	Huyện Xuân Trường	1.000	
-	Xã Thọ Nghiệp	50	
-	Xã Xuân Vinh	50	
-	Xã Xuân Tiến	50	
-	Xã Xuân Thủy	50	
-	Xã Xuân Phương	50	
-	Xã Xuân Phong	50	
-	Xã Xuân Phú	50	
-	Xã Xuân Châu	50	
-	Xã Xuân Ninh	50	
-	Thị trấn Xuân Trường	50	
-	Xã Xuân Trung	50	
-	Xã Xuân Đài	50	
-	Xã Xuân Thành	50	
-	Xã Xuân Kiên	50	
-	Xã Xuân Hòa	50	
-	Xã Xuân Thượng	50	
-	Xã Xuân Hồng	50	
-	Xã Xuân Bắc	50	
-	Xã Xuân Tân	50	
-	Xã Xuân Ngọc	50	
17.9	Huyện Giao Thủy	1.100	
-	Xã Hoàn Sơn	50	
-	Thị trấn Ngô Đồng	50	
-	Xã Giao Hà	50	
-	Xã Giao Thiện	50	
-	Xã Giao Lạc	50	
-	Xã Giao Xuân	50	
-	Xã Giao Thịnh	50	
-	Xã Giao Tân	50	
-	Xã Giao Châu	50	
-	Xã Giao Thanh	50	
-	Xã Bình Hòa	50	
-	Xã Hồng Thuận	50	
-	Xã Giao Hương	50	

TT	Nội dung	Phân bổ năm 2024	Đơn vị thực hiện
-	Xã Giao Long	50	
-	Thị trấn Quát Lâm	50	
-	Xã Giao Nhân	50	
-	Xã Giao Yên	50	
-	Xã Giao An	50	
-	Xã Giao Hải	50	
-	Xã Bạch Long	50	
-	Xã Giao Phong	50	
-	Xã Giao Tiên	50	
17.10	Huyện Hải Hậu	1.700	
-	Xã Hải Tây	50	
-	Xã Hải Vân	50	
-	Xã Hải Lý	50	
-	Xã Hải Minh	50	
-	Xã Hải Sơn	50	
-	Xã Hải Phương	50	
-	Xã Hải Đường	50	
-	Xã Hải Xuân	50	
-	Xã Hải Chính	50	
-	Xã Hải Triều	50	
-	Xã Hải An	50	
-	Xã Hải Phong	50	
-	Xã Hải Ninh	50	
-	Xã Hải Giang	50	
-	Thị trấn Yên Định	50	
-	Thị trấn Cồn	50	
-	Thị trấn Thịnh Long	50	
-	Xã Hải Anh	50	
-	Xã Hải Bắc	50	
-	Xã Hải Châu	50	
-	Xã Hải Thanh	50	
-	Xã Hải Hà	50	
-	Xã Hải Hưng	50	
-	Xã Hải Long	50	
-	Xã Hải Nam	50	
-	Xã Hải Phú	50	
-	Xã Hải Phúc	50	
-	Xã Hải Quang	50	
-	Xã Hải Tân	50	
-	Xã Hải Lộc	50	
-	Xã Hải Đông	50	
-	Xã Hải Trung	50	
-	Xã Hải Hoà	50	
-	Xã Hải Cường	50	